

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 3 - 2019

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Phước Đại

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đại Thắng

2. Ông Võ Văn Trường

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Hoài Ân – Là Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Huỳnh Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 276/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Dương Thị Phương H, sinh năm 1981

Đăng ký thường trú: Khóm 2, thị trấn C, huyện CT, tỉnh TV.

Chỗ ở hiện nay: Khu vực 2, phường B, quận CR, thành phố CT. (có mặt)

Bị đơn: Anh Huỳnh Văn S, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 11/10/2018, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn chị Dương Thị Phương H trình bày: Chị với anh Huỳnh Văn S tiến đến hôn nhân năm 2010, trên cơ sở tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Anh chị chung sống hạnh phúc. Sau khi có con chung thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, anh chị đã nhiều lần hàn gắn tình cảm

nhưng không thành. Chị H đã ra ngoài ở trọ và sống ly thân với anh S. Nay chị không còn tình cảm với anh S, không thể hàn gắn, do đó chị yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận chị và anh S là vợ chồng.

Về con chung: Có 01 con chung là Huỳnh Thiên T (nam) sinh ngày 26/7/2015. Hiện nay cháu T đang sống chung với anh S nên chị thống nhất để anh S tiếp tục nuôi dưỡng cháu T.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn anh Huỳnh Văn S, từ khi Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ và hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Huỳnh Văn S. Tuy nhiên anh S đều vắng mặt và có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt ngày 11/3/2019. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt bị đơn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn nhưng bị đơn có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử là đúng quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không công nhận chị H và anh S là vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn anh Huỳnh Văn S vắng mặt nhưng anh S có đơn yêu cầu giải quyết vụ án vắng mặt ngày 11/3/2019 (BL 24) nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử là đúng theo quy định pháp luật.

[2] Xét về giải quyết nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị H và anh S được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, chị H và anh S chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn theo luật định. Vì vậy khi giải quyết việc ly hôn, Hội đồng xét xử căn cứ theo khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình không công nhận chị H và anh S là vợ chồng.

[2.2] Xét về con chung: Chị H khai có 01 con chung là cháu Huỳnh Thiên T, giới tính nam, sinh ngày 26/7/2015. Chị H không yêu cầu nuôi con, thống nhất để anh

S được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu T. Về cấp dưỡng nuôi con, do đương sự chưa yêu cầu nên chưa xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: không có nên vấn đề giải quyết.

[3] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Dương Thị Phương H phải nộp 300.000 đồng.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 14, 53, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Phương H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Dương Thị Phương H và anh Huỳnh Văn S là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao trẻ Huỳnh Thiên T, giới tính nam, sinh ngày 26/7/2015 cho anh Huỳnh Văn S trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trẻ tròn 18 tuổi. Về cấp dưỡng đương sự chưa yêu cầu nên chưa xem xét giải quyết. Dành quyền thăm nom, chăm sóc con chung cho chị H không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Không có nên không đặt vấn đề giải quyết.

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Dương Thị Phương H phải chịu 300.000 đồng. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp tạm ứng theo biên lai số 0017903 ngày 21/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành thành án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị H đã nộp đủ.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND h. Châu Thành;
- THA h. Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Lương Phước Đại

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện CTA;
- VKSND huyện CTA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Tâm